

Số: 454/SCT-QLTM
V/v Triển khai thực hiện Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 23/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam và hướng dẫn một số nội dung liên quan về lĩnh vực an toàn thực phẩm của ngành Công Thương

Quảng Nam, ngày 05 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, trong đó lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Chương IV có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương ban hành sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-BCT ngày 26/5/2020 của Bộ Công Thương về việc ban hành bộ câu hỏi kiểm tra, đáp án trả lời thực hiện kiểm tra để xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Công Thương.

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 23/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Sở Công Thương đề nghị Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 23/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam và một số nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý an toàn thực phẩm ngành Công Thương như sau:

1. Cam kết an toàn thực phẩm (ATTP)

Tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định: Đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều

12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP (không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm) **thực hiện gửi Bản cam kết đến cơ quan có thẩm quyền được UBND tỉnh phân cấp quản lý về ATTP trên địa bàn.** Cụ thể:

- Sở Công Thương tiếp nhận Bản cam kết ATTP của đối tượng: Doanh nghiệp, HTX kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn.

- Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận Bản cam kết ATTP của đối tượng: Sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ và Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ.

*Lưu ý: Khi thực hiện cam kết ATTP với cơ quan QLNN, các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải được xác nhận kiến thức ATTP và khám sức khỏe định kỳ.

Kèm theo mẫu Bản cam kết: Phụ lục 1 (Đối với cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ) và Phụ lục 2 (Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ).

2. Kiến thức về ATTP trong sản xuất kinh doanh

Tại Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định “Người trực tiếp sản xuất phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận”, do đó đề nghị phòng Kinh tế/ Kinh tế và hạ tầng không thực hiện thủ tục tiếp nhận hồ sơ, tổ chức kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, trong đó bao gồm ***cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ cũng phải tuân thủ quy định về tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở trực tiếp tập huấn và xác nhận kiến thức.***

Bộ câu hỏi kiểm tra và đáp án trả lời để đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành Công Thương cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm được ban hành tại Quyết định số 1390/QĐ-BCT ngày 26/5/2020 của Bộ Công Thương. Theo đó, Bộ câu hỏi gồm có 02 phần: kiến thức chung 60 câu, kiến thức chuyên ngành 40 câu. ***Các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền (được giao thực hiện việc kiểm tra, xác nhận kiến thức về ATTP) có trách nhiệm chọn ngẫu nhiên 30 câu hỏi (gồm 20 câu thuộc kiến thức chung và 10 câu thuộc kiến thức chuyên ngành) trong bộ câu hỏi để kiểm tra và đánh giá kiến thức về ATTP cho phù hợp với từng đối tượng áp dụng.*** Thời gian kiểm tra để xác nhận kiến thức về ATTP là 45 phút. Thời hạn của Giấy xác nhận kiến thức về ATTP là 3 năm.

Kèm theo mẫu Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: Phụ lục 3.

3. Tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm

Tại Khoản 6 Điều 6 Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 23/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam quy định trách nhiệm của Sở Công Thương tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc

diện tự công bố sản phẩm theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này. Thực hiện đăng tải tên tổ chức, cá nhân và tên các sản phẩm tự công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận.

Đề nghị Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng tham mưu UBND huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 23/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam và triển khai hướng dẫn cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện đúng quy định hiện hành.

Mọi thông tin trao đổi, phối hợp liên hệ: Phòng Quản lý thương mại - Sở Công Thương: Điện thoại 0235.3852876, Fax: 0235.3859130, di động 0987.454.777 (C.Hiền), email: thaihienkc@gmail.com.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLTM.



Nguyễn Thanh Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM
(Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ)

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố.....

Cơ sở kinh doanh:

Người đại diện:

Điện thoại:

Loại hình kinh doanh:

Địa chỉ:

CAM KẾT:

Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ tuân thủ đầy đủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định sau:

1. Đối với địa điểm, cơ sở vật chất

1.1. Cơ sở kinh doanh thực phẩm được bố trí tại địa điểm không bị ngập nước, đọng nước, không bị ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm từ các khu vực ô nhiễm bụi, hóa chất độc hại, các nguồn gây ô nhiễm khác.

1.2. Không bị ảnh hưởng bởi động vật, côn trùng, vi sinh vật gây hại.

1.3. Nền nhà thoát nước tốt, không đọng nước và dễ làm vệ sinh; trần nhà không bị dột, thấm nước.

1.4. Cơ sở phải có đủ nước hợp vệ sinh để kinh doanh thực phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc địa phương về chất lượng nước sạch sinh hoạt.

1.5. Trang bị thiết bị, dụng cụ (giá kệ, tủ bày sản phẩm,..) trong kinh doanh phù hợp với yêu cầu của từng loại thực phẩm và của nhà sản xuất. Dụng cụ chứa đựng thực phẩm đã qua chế biến và không bao gói phải dễ vệ sinh, không thấm nước. Khu vực bảo quản thực phẩm phải có đủ giá, kệ làm bằng các vật liệu chắc chắn được bảo quản ở vị trí cách nền tối thiểu 15 cm, cách tường tối thiểu 30 cm và cách trần tối thiểu 50 cm.

1.6. Lưu giữ thông tin liên quan đến việc mua bán bảo đảm truy xuất được nguồn gốc thực phẩm.

1.7. Thu gom, xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Đối với khu vực kho

- 2.1. Khu vực chứa đựng, kho bảo quản thực phẩm phải duy trì điều kiện nhiệt độ, độ ẩm; ánh sáng, thông gió và các yếu tố ảnh hưởng tới an toàn thực phẩm theo các quy định về bảo quản sản phẩm của nhà sản xuất.
- 2.2. Có biện pháp phòng, chống côn trùng và động vật gây hại.
- 2.3. Sản phẩm thực phẩm không để chung với hàng hóa, hóa chất và những vật dụng có khả năng gây mất an toàn thực phẩm.

3. Đối với chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm

- 3.1. Chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm phải có kiến thức về an toàn thực phẩm theo chương trình do Bộ Công Thương quy định.
- 3.2. Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm bảo đảm yêu cầu về sức khỏe khi tham gia sản xuất thực phẩm; người đang mắc các bệnh truyền nhiễm không được tiếp xúc trực tiếp trong quá trình kinh doanh thực phẩm.
- 3.3. Người trực tiếp kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến và không bao gói phải sử dụng bảo hộ lao động (găng tay, khẩu trang).

Cơ sở cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm với Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng..... và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi để xảy ra tình trạng mất an toàn thực phẩm./.

Số xác nhận:/XNCK-KT/KTHT, ngày .../.../.....
Bảng cam kết này có giá trị 03 năm kể từ ngày xác nhận.
XÁC NHẬN CỦA PHÒNG KT/KT-HT

NGƯỜI CAM KẾT
(Ký ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM
(Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ)

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố.....

Cơ sở sản xuất:

Người đại diện:

Điện thoại:

Loại hình sản xuất:

Địa chỉ:

CAM KẾT:

Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ tuân thủ đầy đủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định sau:

1. Đối với địa điểm, cơ sở vật chất

1.1. Khu vực sản xuất thực phẩm phải được bố trí tại địa điểm không bị ngập nước, đọng nước, ô nhiễm bụi, hóa chất độc hại, không bị ảnh hưởng bởi động vật, côn trùng, vi sinh vật gây hại và có khoảng cách an toàn với các nguồn gây ô nhiễm khác.

1.2. Các công đoạn sản xuất sản phẩm thực phẩm phải được bố trí theo nguyên tắc và quy trình chế biến một chiều từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng.

1.3. Nền nhà khu vực sản xuất phải bằng phẳng, thoát nước tốt, không gây trơn trượt, không đọng nước và dễ làm vệ sinh; trần nhà không bị dột, thấm nước, rêu mốc và đọng nước.

2. Điều kiện đối với nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm và nước sử dụng để sản xuất, chế biến thực phẩm và bảo vệ môi trường

2.1. Nguyên liệu sử dụng để sản xuất, chế biến thực phẩm phải bảo đảm:

a) Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Lưu giữ thông tin liên quan đến việc mua bán bảo đảm truy xuất được nguồn gốc;

b) Được bảo quản phù hợp với điều kiện, tiêu chuẩn và hướng dẫn bảo quản của nhà cung cấp;

c) Không được để chung với hàng hóa, hóa chất và những vật dụng khác có khả năng lây nhiễm chéo hoặc không bảo đảm an toàn thực phẩm.

2.2. Phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm sử dụng cho thực phẩm phải thuộc danh mục được phép sử dụng theo quy định của Bộ Y tế.

2.3. Cơ sở phải có đủ nước sạch để sản xuất, chế biến thực phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống.

2.4. Chất thải rắn, nước thải trong khu vực sản xuất thực phẩm phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và của địa phương.

3. Điều kiện trong bảo quản, lưu giữ thực phẩm

3.1. Duy trì điều kiện nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, thông gió và các yếu tố bảo đảm an toàn thực phẩm khác theo quy định và yêu cầu về bảo quản thực phẩm của nhà sản xuất.

3.2. Có biện pháp, dụng cụ chống côn trùng và động vật gây hại.

3.3. Sản phẩm thực phẩm không được để chung với hàng hóa, hóa chất và những vật dụng khác có khả năng lây nhiễm chéo hoặc không bảo đảm an toàn thực phẩm.

4. Điều kiện trong vận chuyển thực phẩm

4.1. Chủ cơ sở phải niêm yết tại cơ sở: Quy định đối với phương tiện, phương thức điều kiện bảo quản và quản lý an toàn thực phẩm của sản phẩm trong quá trình vận chuyển thực phẩm trong khu vực sản xuất.

4.2. Không vận chuyển thực phẩm cùng các loại vật tư, nguyên liệu, hóa chất có thể gây nhiễm chéo ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn thực phẩm của sản phẩm.

5. Đối với chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm

5.1. Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải có kiến thức về an toàn thực phẩm theo chương trình do Bộ Công Thương quy định.

5.2. Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm bảo đảm yêu cầu về sức khỏe khi tham gia sản xuất thực phẩm; người đang mắc các bệnh truyền nhiễm không được tiếp xúc trực tiếp trong quá trình sản xuất, chế biến thực phẩm.

5.3. Người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải mang trang phục bảo hộ riêng, đội mũ, đi găng tay chuyên dùng và đeo khẩu trang.

5.4. Người tiếp xúc trực tiếp trong quá trình sản xuất thực phẩm phải tuân thủ các quy định về thực hành vệ sinh: Giữ móng tay ngắn, sạch sẽ và không đeo nhẫn, đồ trang sức tay, đồng hồ; không được ăn uống, hút thuốc, khạc nhổ trong khu vực sản xuất thực phẩm.

Cơ sở cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm với Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng..... và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi để xảy ra tình trạng mất an toàn thực phẩm./.

Số xác nhận:/XNCK-KT/KTHT, ngày .../.../.....

Bảng cam kết này có giá trị 03 năm kể từ ngày xác nhận.

XÁC NHẬN CỦA PHÒNG KT/KT-HT

NGƯỜI CAM KẾT

(Ký ghi rõ họ tên)

**GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: /20.../XNTHKTATTP

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định tại Quyết định số 1390/QĐ-BCT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc về việc ban hành bộ câu hỏi kiểm tra, đáp án trả lời thực hiện kiểm tra để xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Công Thương

Tên Cơ sở sản xuất, kinh doanh:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký HTX số:
cấp ngày: nơi cấp:

Điện thoại: Fax:

Xác nhận các ông/bà có tên theo danh sách kèm theo đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và đã đạt kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm tại buổi kiểm tra ngày... tháng.... năm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

Địa danh, ngày.....tháng năm....

CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN

(ký tên/đóng dấu)

**Danh sách kèm theo Giấy xác nhận tập huấn kiến thức
về an toàn thực phẩm**

Số:...../20.../XNTHKTATTP

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số Hộ chiếu/ CMND/thẻ căn cước	Ngày/tháng/ năm cấp CMN D/ thẻ căn cước	Bộ phận hiện đang làm việc tại cơ sở
01						
02						
03						
04						